

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **52/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 24-8-2022

*“V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Đạm

2. Ông Lê Văn Lộc

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 67/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Đ, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1990 (có mặt);
Hộ khẩu thường trú: ấp 7B, xã NA, huyện AB, tỉnh Kiên Giang. Địa chỉ: ấp TN, xã PH, huyện TS, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh Bạch Văn N, sinh năm 1988 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp 7B, xã NA, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 07/5/2020 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Ngô Thị Đ trình bày và yêu cầu như sau:*

Chị và anh Bạch Văn N chung sống với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã NA cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/4/2014. Chị và anh Bạch Văn N chung sống với nhau có 02 con chung tên Bạch Thị QN, sinh ngày 06/02/2011 và Bạch Nhật H, sinh ngày 10/4/2015 hiện nay đang chung sống với anh Bạch Văn N; về tài sản chung, chị và anh Bạch Văn N không có tài sản chung; về nợ, chị và anh Bạch Văn N không có nợ người khác, người khác không nợ anh chị. Quá trình chung sống chị và anh Bạch Văn N sống không hòa hợp, anh Bạch Văn N không quan tâm lo lắng cho chị, sống không chung thủy với chị và ly thân với chị từ năm 2017 đến nay. Chị thấy tình cảm anh chị không còn nên chị yêu cầu giải quyết như sau: Về quan hệ hôn nhân, chị yêu cầu được ly hôn với anh Bạch Văn N. Về quan hệ con chung, khi ly hôn chị giao 02 con chung tên Bạch Thị QN, sinh ngày 06/02/2011 và Bạch Nhật H, sinh ngày 10/4/2015 cho anh Bạch Văn N tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của các con, chị không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ, chị và anh Bạch Văn N không có tài sản chung; về tài sản chung, chị cam kết anh chị không có nợ, chị không yêu cầu giải quyết.

** Tại bản trình bày nguyện vọng ngày 23/5/2022 của Bạch Thị QN trình bày:*

Bạch Thị QN là con của anh Bạch Văn N và chị Ngô Thị Đ, từ khi anh Bạch Văn N và chị Ngô Thị Đ không chung sống với nhau thì Bạch Thị QN chung sống với cha là anh Bạch Văn N, tại ấp 7B, xã NA, huyện AB, tỉnh Kiên Giang. Nếu cha mẹ ly hôn, Bạch Thị QN có nguyện vọng chung sống với cha là anh Bạch Văn N.

** Tại bản trình bày nguyện vọng ngày 23/5/2022 của Bạch Nhật H trình bày:*

Bạch Nhật H là con của anh Bạch Văn N và chị Ngô Thị Đ, từ khi anh Bạch Văn N và chị Ngô Thị Đ không chung sống với nhau thì Bạch Nhật H chung sống với cha là anh Bạch Văn N, tại ấp 7B, xã NA, huyện AB, tỉnh Kiên Giang. Nếu cha mẹ ly hôn, Bạch Nhật H có nguyện vọng chung sống với cha là anh Bạch Văn N.

** Tại biên bản xác minh ngày 04 tháng 5 năm 2022, về nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân:*

Anh Bạch Văn N, cư trú tại ấp 7B, xã NA, huyện AB, tỉnh Kiên Giang hiện nay không có mặt ở nhà và địa phương, anh Bạch Văn N đi làm thuê mỗi lần về không xác định được thời gian. Anh Bạch Văn N và chị Ngô Thị Đ chung

sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cư cãi, bất hòa, hôn nhân không hạnh phúc.

* *Bị đơn anh Bạch Văn N*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho anh Bạch Văn N nhưng anh không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn và nuôi con của chị Ngô Thị Đ nên Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

* *Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm*: Giấy chứng minh nhân dân tên Ngô Thị Đ, Sổ hộ khẩu; Trích lục kết hôn Ngô Thị Đ và Bạch Văn N; Trích lục khai sinh Bạch Thị QN và Bạch Nhật H; Đơn xin xác nhận tình trạng cư trú của đương sự ngày 04/5/2020 của chị Ngô Thị Đ; 02 Văn bản trình bày nguyện vọng ngày 23 tháng 5 năm 2022 của Bạch Thị QN và Bạch Nhật H; Biên bản xác minh ngày 04 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện An Biên.

* *Tại phiên tòa*:

Nguyên đơn chị Ngô Thị Đ yêu cầu được ly hôn với anh Bạch Văn N; về quan hệ con chung, khi ly hôn chị giao 02 người con chung tên: Bạch Thị QN, sinh ngày 06/02/2011 và Bạch Nhật H, sinh ngày 10/4/2015 cho anh Bạch Văn N tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được theo nguyện vọng của các con, chị không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ không có, chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Bạch Văn N vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện các thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, xác định mối quan hệ pháp luật, đưa tư cách đương sự tham gia tố tụng, về thu thập tài liệu, chứng cứ chứng minh, tổng đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát đúng trình tự thủ tục và thời gian quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 48, Điều 51, Điều 68, các Điều 208, 209, 210, 211, 239 và Điều 247 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do, đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét đơn khởi kiện của chị Ngô Thị Đ yêu cầu được ly hôn với anh Bạch Văn N và nuôi dưỡng con chung là có căn cứ chấp nhận, nên

đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Ngô Thị Đ được ly hôn với anh Bạch Văn N. Về quan hệ con chung, khi ly hôn giao 02 người con chung của anh chị cho anh Bạch Văn N tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của các con anh chị. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Ngô Thị Đ yêu cầu được ly hôn với anh Bạch Văn N và tranh chấp về nuôi con. Bị đơn anh Bạch Văn N cư trú tại ấp 7B, xã NA, huyện AB, tỉnh Kiên Giang nên xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Bạch Văn N biết và ấn định thời gian để anh có ý kiến về việc chị Ngô Thị Đ khởi kiện ly hôn và nuôi con đối với anh nhưng anh không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tòa án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Bạch Văn N vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Như vậy, đây là thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Bạch Văn N nhưng anh vẫn cố tình vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Đồng thời, tại phiên tòa lần thứ hai chị Ngô Thị Đ không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Bạch Văn N theo quy định tại khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân, chị Ngô Thị Đ và anh Bạch Văn N chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (*Ủy ban nhân dân xã NA*) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 56/2014, ngày 28 tháng 4 năm 2014, anh chị đảm bảo các điều kiện kết hôn khác theo quy định của pháp luật là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét khởi kiện của chị Ngô Thị Đ được ly hôn với anh Bạch Văn N, thời gian chung sống chị và anh Bạch Văn N sống không hòa hợp, anh Bạch Văn N không quan tâm lo lắng cho chị, sống không chung thủy với chị và ly thân với chị từ năm 2017 đến nay. Chị thấy tình cảm anh chị không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Bạch Văn N, nhưng anh Bạch Văn N không có ý kiến yêu cầu gì, không quan tâm đến việc chị Ngô Thị Đ yêu cầu ly hôn với anh là vi phạm nghĩa vụ giữa vợ chồng thời gian dài, vợ chồng không chăm sóc, lo lắng lẫn nhau mà anh chị không có biện pháp hàn gắn để chung sống với nhau nên hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị Ngô Thị Đ cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh Bạch Văn N. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị Kiểm sát viên và yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Đ, cho chị Ngô Thị Đ được ly hôn với anh Bạch Văn N là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung, chị Ngô Thị Đ và anh Bạch Văn N có 02 người con chung tên: Bạch Thị QN, sinh ngày 06/02/2011 và Bạch Nhật H, sinh ngày 10/4/2015, hiện nay đang chung sống với anh Bạch Văn N. Khi ly hôn chị giao 02 người con chung của anh chị cho anh Bạch Văn N tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được theo nguyện vọng của các con anh chị, anh Bạch Văn N không có ý kiến gì, các con chung của anh chị từ khi anh chị ly thân đến nay sống chung với anh Bạch Văn N đã thích nghi với cuộc sống hiện tại và có ý kiến nguyện vọng chung sống với anh Bạch Văn N. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, ý kiến của chị Ngô Thị Đ và nguyện vọng của các con anh chị, giao các con chung của anh chị tên: Bạch Thị QN, sinh ngày 06/02/2011 và Bạch Nhật H, sinh ngày 10/4/2015 cho anh Bạch Văn N tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được theo nguyện vọng của các con anh chị là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con, anh Bạch Văn N không yêu cầu chị Ngô Thị Đ cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ, chị Ngô Thị Đ tự xác định, anh chị không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết và chị Ngô Thị Đ cam kết chị và anh Bạch Văn N không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu nhưng được trừ vào số tiền đã tạm ứng án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Ngô Thị Đ được ly hôn với anh Bạch Văn N.

2. Về quan hệ con chung: Giao các con chung của anh chị tên: Bạch Thị QN, sinh ngày 06/02/2011 và Bạch Nhật H, sinh ngày 10/4/2015 cho anh Bạch Văn N tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được theo nguyện vọng của các con anh chị và hiện nay đang sống chung với anh Bạch Văn N.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Bạch Văn N không yêu cầu chị Ngô Thị Đ cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ: Chị Ngô Thị Đ tự xác định, anh chị không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết và chị Ngô Thị Đ cam kết chị và anh Bạch Văn N không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị, không yêu cầu

giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

5. Về án phí: Buộc chị Ngô Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0004793 ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Chị Ngô Thị Đ đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 24/8/2022. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- UBND xã NA;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA,VP (Kiều).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Thảo